TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2025/HNGĐ–ST
Ngày 29/8/2025
V/v tranh chấp "Chia tài sản chung sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Miêng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1998, Địa chỉ: ấp TKA, xã QĐ, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp ĐT, xã TP, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn trình bày:

Anh và chị D kết hôn vào năm 2008. Anh và chị D có 01 con chung tên Nguyễn Lê Khang, sinh ngày 21/5/2011. Năm 2016, 2017 anh và chị D có chơi hụi với chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Văn P ở xã GT. Năm 2018 chị D vỡ hụi nhưng không giao trả tiền hụi cho anh và chị D nên năm 2018 chị D đứng đơn khởi kiện chị D và anh Phúc. Theo bản án số 198/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú tuyên xử buộc chị D và anh Phúc phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh và chị D số tiền là 361.900.000 đồng. Không đồng ý bản án sơ thẩm nên anh Phúc kháng cáo. Theo bản án số 14/2019/DS-PT ngày 25/01/2019

của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giữ nguyên bản án sơ thẩm. Khi xét xử phúc thẩm anh có chở chị D đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phúc thẩm; do thời điểm này anh và chị D còn sống nên việc tạm nộp án phí và án phí là do chị D nộp.

Do cuộc sống không hạnh phúc, ngày 11/9/2023 anh và chị D đã ly hôn theo quyết định số 225/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nay là Toà án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long.

Trước khi ly hôn anh với chị D có tài sản chung là 01 chiếc xe SH trị giá 70.000.000 đồng: 06 phần hụi; 01 cửa hàng bán đồ nuôi tôm công nghiệp. Anh lấy chiếc xe giao cho chị D 70.000.000 đồng; anh chia cho chị D 03 phần hụi khoảng 400.000.000 đồng; giá trị tiệm tạp hóa là 50.000.000 đồng, anh lấy tiệm bán đồ nuôi tôm công nghiệp chia giá trị thành tiền là 50.000.000 đồng cho chị D. Còn lại khoảng 10 chỉ vàng 24k chị D giữ thì anh không yêu cầu giải quyết. Việc thỏa thuận này do các bên tự nguyện nên ngày 22/01/2022 anh với chị D có lập văn bản "Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", khi đó các bên thống nhất là tài sản chung tự thỏa thuận.

Đối với số tiền 361.900.000 đồng trong quyết định số 225/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú không có đề cập đến số tiền này nhưng anh và chị D tự thỏa thuận bằng lời nói với nhau, chị D nói khi nào thi hành án được thì anh lấy 180.950.000 đồng, chị D lấy 180.950.000 đồng. Việc anh và chị D chơi hụi với chị D và anh Phúc thì có bà Hồng, bà Yến, bà Hạnh biết và tin nhắn ngày 24/7/2024 thì chị D có hứa là "... *đến ngày lấy tiền ah cứ lên lấy phần của anh để lo cho con, e ko thất hứa đâu*". Sau nhiều lần yêu cầu thi hành án anh đi họp thay cho chị D tại thi hành án. Hiện nay chị D đã nhận được 107.704.000 đồng nhưng chị D không chia cho anh khoản nào.

Chị D cho rằng số tiền 361.900.000 đồng là tiền hụi của anh Trực đưa cho chị D chơi hụi dùm là không đúng, số tiền này là tiền của anh và chị D tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Anh yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long giải quyết buộc chị D chia cho anh số tiền đã thi hành án được của bản án 14/2019/DS-PT ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre là 53.852.000 đồng.

Anh tự nguyện rút một phần yêu cầu với chị D với số tiền là 127.098.000 đồng, việc này là do anh tự nguyện, anh cam kết không tranh chấp hay yêu cầu gì về sau. Anh không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Theo bản tự khai ngày 09/6/2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Lê Thị Hồng D trình bày:

Chị thừa nhận về quan hệ hôn nhân và con chung đúng như lời trình bày của anh K.

Khi còn chung sống chị và anh K có tạo lập được các tài sản như sau: tiền gởi ngân hàng anh K rút ra cất nhà cho cha mẹ anh K khoảng hơn 200.000.000 đồng; tiền đóng bảo hiểm cho con khoảng 35.000.000 đồng; vàng cưới là 09 chỉ vàng 24k, chị có tài sản riêng là 10 chỉ vàng 24k loại 9999 nhưng đã bán để mở tiệm bán đồ nuôi tôm công nghiệp, có 02 phần hụi tính thành tiền tại thời điểm phân chia mỗi người khoảng hơn 30.000.000 đồng; 01 chiếc xe SH khoảng 65.000.000 đồng.

Khi ly hôn chị và anh K phân chia như sau: Anh K lấy chiếc xe SH, toàn bộ đồ dùng trong cửa hàng, chi phí xây nhà, tiền đóng bảo hiểm cho con, vàng cưới thì chị trả cho mẹ chồng. Anh K chỉ giao cho chị tiền hụi khoảng hơn 30.000.000 đồng, chị không có giữ 10 chỉ vàng như lời trình bày của anh K. Ngoài ra anh K không chia cho chị khoản tiền nào khác. Năm 2022 chị với anh K đã phân chia tài sản chung xong, các bên có lập văn bản gọi là "Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" ngày 22/01/2022, khi đó anh K chưa nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị, đến năm 2023 anh K mới nộp đơn ly hôn chị. Khi đó, tài sản chung đã phân chia xong nên lúc Tòa án giải quyết thì chị và anh K đều thống nhất là tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với số tiền 361.900.000 đồng là tiền hụi mà anh Lê Hoàng Trực là em ruột của chị nhờ chị chơi hụi dùm với bà D vào năm 2016, 2017. Thời điểm này chị với anh K còn sống chung, anh K biết rõ là anh Trực có nhờ chị chơi hụi dùm. Cùng thời điểm này chị và anh K cũng có chơi hụi với chị D nhưng chị và anh K đã hốt phân chia xong trước khi ly hôn không có liên quan đến số tiền 361.900.000 đồng nên khi chia tài sản chung và ly hôn chị và anh K không có đề cập đến số tiền 361.900.000 đồng.

Do bà D không trả tiền hụi cho anh Trực mà chị là người đại diện chơi hụi với chị D nên năm 2018 chị có khởi kiện chị D và anh Phúc. Theo bản án số 198/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú tuyên xử buộc chị D và anh Phúc phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị số tiền là 361.900.000 đồng. Không đồng ý bản án nên anh Phúc kháng cáo. Theo bản án số 14/2019/DS-PT ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giữ nguyên bản án sơ thẩm. Khi đó, chị và anh K vẫn còn sống chung, anh K biết rõ nhưng không có ý kiến gì do số tiền này là tiền của anh Trực không phải là tài sản chung của chị và anh K nên khi ly hôn anh K không có tranh chấp gì với chị đối với số tiền 361.900.000 đồng.

Do chị đi làm ăn xa, khi đó chị và anh K chưa ly hôn nên anh K có đi thay chị đến Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú để yêu cầu thi hành án. Năm 2023 anh K và chị ly hôn thì chị có ủy quyền cho cha chị là ông Lê Văn Nhựt để nộp yêu cầu thi hành án. Cha chị không có hứa chia tiền cho anh K.

Chị không thừa nhận lời trình bày của bà Yến, bà Hạnh, ông Khanh và bà Hồng do chị trực tiếp tham gia, anh K không đi khui hụi, góp hụi. Tiền hụi mà chị và anh K tham gia trong thời kỳ hôn nhân là những phần hụi mà chị và anh K tham gia với bà Hải, bà Hương ở xã Giao Thạnh nhưng số tiền này chị và anh K đã tự thoả thuận phân chia xong. Đối với tin nhắn ngày 24/7/2023 là do anh K nhiều lần tới nhà chị gây rối yêu cầu chị chia số tiền nêu trên, lúc này chị không có nhà nên anh K có nhắn tin cho chị, chị có hứa là sẽ trả tiền công do anh K đi họp thi hành án thay cho chị, tiền công chị hứa trả khoảng 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với điều kiện khi nào thi hành án xong số tiền 361.900.000 đồng chứ chị không có hứa là chia cho anh K 180.950.000 đồng nên tin nhắn không có ghi rõ là chia cho anh K bao nhiêu tiền. Mặt khác, số tiền 361.900.000 đồng không phải của chị nên chị không có quyền hứa chia cho anh K.

Chị không đồng ý chia tiền theo yêu cầu của anh K do số tiền 361.900.000 đồng là tiền của anh Trực chứ không phải là tài sản chung của chị với anh K. Chị không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 38, 39, 43 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của HĐTP TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K về việc yêu cầu bị đơn Lê Thị Hồng D chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn số tiền 53.852.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn chị Lê Thị Hồng D cư trụ tại ấp ĐT, xã TP, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn K về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Lê Thị Hồng D phải có nghĩa vụ chia cho anh số tiền là 127.098.000 đồng. Xét thấy: việc rút yêu cầu khởi kiện này của anh Nguyễn Văn K đối với chị Lê Thị Hồng D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án: Anh K yêu cầu chị D phải chia cho anh 53.852.000 đồng. Chị D không đồng ý chia theo yêu cầu của anh K, do số tiền 107.704.000 đồng là tiền của anh Trực không phải tài sản chung của chị và anh K.

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

- Theo bản án số 198/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nay là Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long có nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị D, buộc chị D và anh Phúc phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D số tiền là 361.900.000 đồng. Không đồng ý với bản án nêu trên nên ông Phúc kháng cáo. Theo bản án số 14/2019/DS-PT ngày

25/01/1019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có nội dung: giữ nguyên bản án số 198/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Theo Quyết định số 225/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có nội dung: Về hôn nhân: anh K và chị D thuận tình ly hôn. Về con chung: anh K được trực tiếp nuôi con chung, anh K không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: anh K và chị D cùng trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Ngày 25/3/2025 chị D và anh Phúc đã giao trả cho chị D số tiền là 107.704.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu của anh K yêu cầu chị D phải chia cho anh số tiền là 53.852.000 đồng, thấy rằng:

[6.1] Trong quá trình tố tụng anh K cho rằng, khi chị D khởi kiện chị D và anh Phúc thì thời điểm đó anh và chị D vẫn còn sống chung nên anh để chị D làm đơn khởi kiện anh không tham gia tố tụng, khi anh và chị ly hôn thì bản án chưa thi hành án được nên anh và chị D thỏa thuận khi nào thi hành án được thì chị D phải có nghĩa vụ chia cho anh ½ số tiền là 180.950.000 đồng nên anh và chị D thống nhất là tài sản chung không có, việc thỏa thuận này các bên không làm giấy tờ gì. Khi chơi hụi anh nhiều lần khui hụi, góp hụi cho bà D có xác nhận của bà Hồng, anh Khanh, chị Hạnh, chị Yến và theo tin nhắn ngày 24/7/2023 thì chị D có hứa là sẽ chia tiền cho anh theo như thỏa thuận nên trên.

[6.2] Chị D cho rằng, số tiền 361.900.000 đồng là tiền hụi mà anh Trực nhờ cho chơi hụi dùm với chị D, hàng tháng anh Trực đưa tiền hụi cho chị góp cho chị D, anh K biết rõ. Năm 2018 chị D vỡ hụi nhưng không giao trả tiền hụi cho anh Trực. Do chị là người trực tiếp chơi hụi với chị D nên chị đứng ra khởi kiện bà D nên anh K không tham gia tố tụng. Anh K không đi khui hụi, góp hụi. Tiền hụi mà chị và anh K tham gia trong thời kỳ hôn nhân là những phần hụi mà chị và anh K tham gia với bà Hải, bà Hương ở xã Giao Thạnh nhưng số tiền này chị và anh K đã tự thoả thuận phân chia xong. Chị không thừa nhận các chứng cứ do anh K cung cấp.

[6.3] Xét thấy: Năm 2018 chị D tranh chấp tiền hụi với anh Phúc và chị D thì anh K biết rõ nhưng anh K không tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là nguyên đơn hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Anh K biết rõ bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Phúc và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D số tiền là 361.900.000 đồng nhưng anh K không kháng cáo. Năm 2022 anh K và chị D tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nhưng không đề cập đến số tiền 361.900.000 đồng. Năm 2023 khi anh K yêu cầu ly hôn với chị D thì anh K cũng không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với số tiền 361.900.000 đồng. Hơn nữa, tại Quyết định số 225/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, anh K và chị D cùng thống nhất trình bày về tài sản chung là không có nên không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, anh K và chị D đều thừa nhận chị D không ủy quyền cho anh K yêu cầu thi hành bản án số 198/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và bản án 14/2019/DS-PT ngày 25/01/1019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Đối với các tài liệu, chứng cứ do anh K cung cấp thì chị D không thừa nhận, nội dung các tờ cam kết của bà Hạnh,

bà Hồng và bà Yến không có đủ căn cứ để xác định số tiền 361.900.000 đồng là tài sản chung của anh K và chị D. Đồng thời, tại phiên toà anh K cũng thừa nhận tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 21/01/2022 của anh K và chị D là do anh với chị D tự nguyện thoả thuận với nhau trình bày là về tài sản chung không có. Anh K cho rằng số tiền 107.704.000 đồng là tài sản chung của anh và chị D nhưng anh K không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên yêu cầu khởi kiện của anh K là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của anh K không được chấp nhận nên anh K phải nộp án phí theo quy định phải nộp theo quy định.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 165, Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 33, 38, 39, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K về việc yêu cầu chị Lê Thị Hồng D phải có nghĩa vụ chia cho anh K số tiền là 127.098.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K về việc yêu cầu chị Lê Thị Hồng D phải chia cho anh Nguyễn Văn K số tiền là 53.852.000 đồng

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn K phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 4.524.000 đồng theo biên lai thu số 0012261 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Anh Nguyễn Văn K được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền còn lại là 4.324.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân